

Số: 203 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 16 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 01/TTr-KHCN ngày 15/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định năm 2024.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật và báo cáo kết quả cho UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ

trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, K8.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÌNH ĐỊNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh năm 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan kiểm tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
1.	Chi cục Thủy sản	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh và Sở Nội vụ		x	Quý II
2.	Chi cục Bảo vệ môi trường	nt	nt		x	nt
3.	UBND huyện Vân Canh	nt	nt		x	nt
4.	UBND xã Canh Hiệp	nt	nt		x	nt
5.	UBND xã Canh Hiền	nt	nt		x	nt
6.	UBND xã Canh Liên	nt	nt		x	nt
7.	UBND xã Canh Thuận	nt	nt		x	nt
8.	UBND xã Canh Hòa	nt	nt		x	nt
9.	UBND thị xã Hoài Nhơn	nt	nt		x	nt
10.	UBND phường Hoài Xuân	nt	nt		x	nt
11.	UBND phường Tam Quan Bắc	nt	nt		x	nt
12.	UBND phường Hoài Tân	nt	nt		x	nt
13.	UBND xã Hoài Hảo	nt	nt		x	nt

STT	Tên cơ quan kiểm tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
14.	UBND phường Hoài Đức	nt	nt		x	nt
15.	UBND huyện An Lão	nt	nt		x	nt
16.	UBND xã An Vinh	nt	nt		x	nt
17.	UBND xã An Hưng	nt	nt		x	nt
18.	UBND xã An Dũng	nt	nt		x	nt
19.	UBND xã An Nghĩa	nt	nt		x	nt
20.	UBND xã An Trung	nt	nt		x	nt
21.	UBND huyện Hoài Ân	nt	nt		x	nt
22.	UBND xã Ân Sơn	nt	nt		x	nt
23.	UBND xã Bok Tới	nt	nt		x	nt
24.	UBND xã ĐakMang	nt	nt		x	nt
25.	UBND xã Ân Hảo Tây	nt	nt		x	nt
26.	UBND xã Ân Hữu	nt	nt		x	nt
27.	UBND thị xã An Nhơn	nt	nt		x	nt
28.	UBND phường Bình Định	nt	nt		x	nt
29.	UBND xã Nhơn An	nt	nt		x	nt
30.	UBND xã Nhơn Hạnh	nt	nt		x	nt
31.	UBND xã Nhơn Mỹ	nt	nt		x	nt
32.	UBND xã Nhơn Phong	nt	nt		x	nt
33.	UBND huyện Phù Mỹ	nt	nt		x	nt
34.	UBND xã Mỹ An	nt	nt		x	nt
35.	UBND xã Mỹ Hòa	nt	nt		x	nt
36.	UBND xã Mỹ Đức	nt	nt		x	nt
37.	UBND xã Mỹ Trinh	nt	nt		x	nt
38.	UBND xã Mỹ Phong	nt	nt		x	nt
39.	Chi cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình	nt	nt		x	Quý III

STT	Tên cơ quan kiểm tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
40.	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	nt	nt		x	nt
41.	UBND thành phố Quy Nhơn	nt	nt		x	nt
42.	UBND xã Phước Mỹ	nt	nt		x	nt
43.	UBND phường Quang Trung	nt	nt		x	nt
44.	UBND phường Ghềnh Ráng	nt	nt		x	nt
45.	UBND phường Nhơn Bình	nt	nt		x	nt
46.	UBND phường Nhơn Phú	nt	nt		x	nt
47.	UBND huyện Tuy Phước	nt	nt		x	nt
48.	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tuy Phước	nt	nt		x	nt
49.	UBND thị trấn Diêu Trì	nt	nt		x	nt
50.	UBND xã Phước Hòa	nt	nt		x	nt
51.	UBND xã Phước Sơn	nt	nt		x	nt
52.	UBND xã Phước Nghĩa	nt	nt		x	nt
53.	UBND huyện Vĩnh Thạnh	nt	nt		x	nt
54.	UBND xã Vĩnh Kim	nt	nt		x	nt
55.	UBND xã Vĩnh Quang	nt	nt		x	nt
56.	UBND xã Vĩnh Thịnh	nt	nt		x	nt
57.	UBND xã Vĩnh Hiệp	nt	nt		x	nt
58.	UBND Vĩnh Thuận	nt	nt		x	nt
59.	UBND huyện Tây Sơn	nt	nt		x	nt
60.	UBND xã Tây Giang	nt	nt		x	nt
61.	UBND xã Tây Vinh	nt	nt		x	nt
62.	UBND xã Tây Bình	nt	nt		x	nt
63.	UBND xã Tây Thuận	nt	nt		x	nt

STT	Tên cơ quan kiểm tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
64.	UBND xã Tây An	nt	nt		x	nt
65.	UBND huyện Phù Cát	nt	nt		x	nt
66.	UBND xã Cát Minh	nt	nt		x	nt
67.	UBND xã Cát Tường	nt	nt		x	nt
68.	UBND xã Cát Chánh	nt	nt		x	nt
69.	UBND xã Cát Thành	nt	nt		x	nt
70.	UBND xã Cát Hiệp	nt	nt		x	nt
71.	UBND xã Cát Tài	nt	nt		x	nt
72.	UBND xã Cát Hanh	nt	nt		x	nt
73.	Văn phòng UBND tỉnh	nt	nt	x		Quý IV
74.	Sở Khoa học và Công nghệ	nt	nt	x		nt
75.	Sở Tài nguyên và Môi trường	nt	nt	x		nt
76.	Sở Giao thông và Vận tải	nt	nt	x		nt
77.	Sở Giáo dục và Đào tạo	nt	nt	x		nt
78.	Sở Nội vụ	nt	nt	x		nt
79.	Sở Tư pháp	nt	nt	x		nt
80.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	nt	nt	x		nt
81.	Sở Tài chính	nt	nt	x		nt
82.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	nt	nt	x		nt
83.	Sở Ngoại vụ	nt	nt	x		nt
84.	Sở Xây dựng	nt	nt	x		nt
85.	Sở Văn hóa, Thể thao	nt	nt	x		nt
86.	Sở Công Thương	nt	nt	x		nt
87.	Sở Thông tin và Truyền thông	nt	nt	x		nt

STT	Tên cơ quan kiểm tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
88.	Sở Y tế	nt	nt	x		nt
89.	Sở Du lịch	nt	nt	x		nt
90.	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	nt	nt	x		nt
91.	Thanh tra tỉnh	nt	nt	x		nt
92.	Ban Dân tộc	nt	nt	x		nt
93.	Ban Quản lý Khu kinh tế	nt	nt	x		nt
94.	Ban Tôn giáo	nt	nt	x		nt
95.	Ban Thi đua – Khen thưởng	nt	nt	x		nt
96.	Chi cục Thủy lợi	nt	nt	x		nt
97.	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	nt	nt	x		nt
98.	Chi cục Phát triển nông thôn	nt	nt	x		nt
99.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	nt	nt	x		nt
100.	Chi cục Kiểm lâm	nt	nt	x		nt
101.	Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm	nt	nt	x		nt
102.	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	nt	nt	x		nt
103.	Phòng Giáo dục và Đào tạo TP. Quy Nhơn	nt	nt	x		nt
104.	UBND xã Nhơn Hội	nt	nt	x		nt
105.	UBND phường Nguyễn Văn Cừ	nt	nt	x		nt
106.	UBND phường Lý Thường Kiệt	nt	nt	x		nt
107.	UBND phường Trần	nt	nt	x		nt

STT	Tên cơ quan kiểm tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
	Quang Diệu					
108.	UBND phường Lê Lợi	nt	nt	x		nt
109.	UBND xã Nhơn Hải	nt	nt	x		nt
110.	UBND Phường Bùi Thị Xuân	nt	nt	x		nt
111.	UBND phường Đồng Đa	nt	nt	x		nt
112.	UBND phường Ngô Mỹ	nt	nt	x		nt
113.	UBND phường Trần Phú	nt	nt	x		nt
114.	UBND xã Nhơn Lý	nt	nt	x		nt
115.	UBND phường Hải Cảng	nt	nt	x		nt
116.	UBND phường Thị Nại	nt	nt	x		nt
117.	UBND phường Lê Hồng Phong	nt	nt	x		nt
118.	UBND xã Nhơn Châu	nt	nt	x		nt
119.	UBND phường Trần Hưng Đạo	nt	nt	x		nt
120.	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vân Canh	nt	nt	x		nt
121.	UBND thị trấn Vân Canh	nt	nt	x		nt
122.	UBND xã Canh Vinh	nt	nt	x		nt
123.	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Thạnh	nt	nt	x		nt
124.	UBND xã Vĩnh Sơn	nt	nt	x		nt
125.	UBND xã Vĩnh Hòa	nt	nt	x		nt
126.	UBND xã Vĩnh Hảo	nt	nt	x		nt
127.	UBND thị trấn Vĩnh Thạnh	nt	nt	x		nt
128.	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tây Sơn	nt	nt	x		nt
129.	UBND xã Tây Phú	nt	nt	x		nt

STT	Tên cơ quan kiểm tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
130.	UBND xã Tây Xuân	nt	nt	x		nt
131.	UBND xã Bình Nghi	nt	nt	x		nt
132.	UBND xã Bình Thuận	nt	nt	x		nt
133.	UBND xã Bình Tân	nt	nt	x		nt
134.	UBND xã Bình Thành	nt	nt	x		nt
135.	UBND xã Bình Tường	nt	nt	x		nt
136.	UBND xã Bình Hòa	nt	nt	x		nt
137.	UBND xã Vĩnh An	nt	nt	x		nt
138.	UBND thị trấn Phú Phong	nt	nt	x		nt
139.	UBND xã Phước Hiệp	nt	nt	x		nt
140.	UBND xã Phước Thắng	nt	nt	x		nt
141.	UBND xã Phước An	nt	nt	x		nt
142.	UBND xã Phước Thành	nt	nt	x		nt
143.	UBND xã Phước Quang	nt	nt	x		nt
144.	UBND xã Phước Hưng	nt	nt	x		nt
145.	UBND thị trấn Tuy Phước	nt	nt	x		nt
146.	UBND xã Phước Lộc	nt	nt	x		nt
147.	UBND xã Phước Thuận	nt	nt	x		nt
148.	Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã An Nhơn	nt	nt	x		nt
149.	UBND phường Nhơn Hưng	nt	nt	x		nt
150.	UBND phường Đập Đá	nt	nt	x		nt
151.	UBND phường Nhơn Hòa	nt	nt	x		nt
152.	UBND xã Nhơn Khánh	nt	nt	x		nt
153.	UBND xã Nhơn Phúc	nt	nt	x		nt
154.	UBND xã Nhơn Hậu	nt	nt	x		nt
155.	UBND xã Nhơn Tân	nt	nt	x		nt

STT	Tên cơ quan kiểm tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
156.	UBND phường Nhơn Thành	nt	nt	x		nt
157.	UBND xã Nhơn Lộc	nt	nt	x		nt
158.	UBND xã Nhơn Thọ	nt	nt	x		nt
159.	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Phù Cát	nt	nt	x		nt
160.	UBND xã Cát Khánh	nt	nt	x		nt
161.	UBND xã Cát Hưng	nt	nt	x		nt
162.	UBND xã Cát Lâm	nt	nt	x		nt
163.	UBND xã Cát Sơn	nt	nt	x		nt
164.	UBND xã Cát Thắng	nt	nt	x		nt
165.	UBND thị trấn Cát Tiến	nt	nt	x		nt
166.	UBND thị trấn Ngô Mây	nt	nt	x		nt
167.	UBND xã Cát Tân	nt	nt	x		nt
168.	UBND xã Cát Trinh	nt	nt	x		nt
169.	UBND xã Cát Hải	nt	nt	x		nt
170.	UBND xã Cát Nhơn	nt	nt	x		nt
171.	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Phù Mỹ	nt	nt	x		nt
172.	UBND xã Mỹ Thọ	nt	nt	x		nt
173.	UBND xã Mỹ Thành	nt	nt	x		nt
174.	UBND xã Mỹ Thắng	nt	nt	x		nt
175.	UBND xã Mỹ Châu	nt	nt	x		nt
176.	UBND thị trấn Phù Mỹ	nt	nt	x		nt
177.	UBND thị trấn Bình Dương	nt	nt	x		nt
178.	UBND xã Mỹ Hiệp	nt	nt	x		nt
179.	UBND xã Mỹ Tài	nt	nt	x		nt
180.	UBND xã Mỹ Cát	nt	nt	x		nt

STT	Tên cơ quan kiểm tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
181.	UBND xã Mỹ Chánh	nt	nt	x		nt
182.	UBND xã Mỹ Chánh Tây	nt	nt	x		nt
183.	UBND xã Mỹ Lợi	nt	nt	x		nt
184.	UBND xã Mỹ Lộc	nt	nt	x		nt
185.	UBND xã Mỹ Quang	nt	nt	x		nt
186.	Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Hoài Nhơn	nt	nt	x		nt
187.	UBND xã Hoài Phú	nt	nt	x		nt
188.	UBND xã Hoài Hải	nt	nt	x		nt
189.	UBND xã Hoài Sơn	nt	nt	x		nt
190.	UBND xã Hoài Mỹ	nt	nt	x		nt
191.	UBND phường Hoài Hương	nt	nt	x		nt
192.	UBND phường Tam Quan	nt	nt	x		nt
193.	UBND Phường Bồng Sơn	nt	nt	x		nt
194.	UBND phường Tam Quan Nam	nt	nt	x		nt
195.	UBND xã Hoài Châu Bắc	nt	nt	x		nt
196.	UBND xã Hoài Châu	nt	nt	x		nt
197.	UBND phường Hoài Thanh Tây	nt	nt	x		nt
198.	UBND phường Hoài Thanh	nt	nt	x		nt
199.	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hoài Ân	nt	nt	x		nt
200.	UBND thị trấn Tăng Bạt Hổ	nt	nt	x		nt
201.	UBND xã Ân Mỹ	nt	nt	x		nt
202.	UBND xã Ân Tường Đông	nt	nt	x		nt
203.	UBND xã Ân Tường Tây	nt	nt	x		nt

STT	Tên cơ quan kiểm tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
204.	UBND xã Ân Tín	nt	nt	x		nt
205.	UBND xã Ân Thạnh	nt	nt	x		nt
206.	UBND xã Ân Hảo Đông	nt	nt	x		nt
207.	UBND xã Ân Nghĩa	nt	nt	x		nt
208.	UBND xã Ân Phong	nt	nt	x		nt
209.	UBND xã Ân Đức	nt	nt	x		nt
210.	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện An Lão	nt	nt	x		nt
211.	UBND xã An Tân	nt	nt	x		nt
212.	UBND xã An Quang	nt	nt	x		nt
213.	UBND xã An Toàn	nt	nt	x		nt
214.	UBND xã An Hòa	nt	nt	x		nt
215.	UBND thị trấn An Lão	nt	nt	x		nt

